

**QUYẾT ĐỊNH**

**Ban hành Quy chế đánh giá, xếp loại mức độ  
hoàn thành nhiệm vụ hàng năm đối với các Sở, Ban, Ngành  
và Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố**

**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH HÒA BÌNH**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;*  
*Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;*  
*Căn cứ Luật cán bộ, công chức ngày 13 tháng 11 năm 2008;*  
*Căn cứ Nghị định số 130/2005/NĐ-CP ngày 17 tháng 10 năm 2005 của Chính phủ quy định chế độ tự chủ, tự chịu trách nhiệm về sử dụng biên chế và kinh phí quản lý hành chính đối với các cơ quan nhà nước;*  
*Căn cứ Nghị định số 117/2013/NĐ-CP ngày 07 tháng 10 năm 2013 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 130/2005/NĐ-CP ngày 17 tháng 10 năm 2005 của Chính phủ quy định chế độ tự chủ, tự chịu trách nhiệm về sử dụng biên chế và kinh phí quản lý hành chính đối với các cơ quan nhà nước;*  
*Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nội vụ tại Tờ trình số 869/TTr-SNV ngày 28 tháng 4 năm 2017.*

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế đánh giá, xếp loại mức độ hoàn thành nhiệm vụ hàng năm đối với các Sở, Ban, Ngành và Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố.

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày 22 tháng 5 năm 2017 và thay thế Quyết định số 17/2015/QĐ-UBND ngày 24/6/2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hoà Bình về việc ban hành Quy chế đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ hàng năm đối với các Sở, Ban, Ngành và Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc các Sở, Thủ trưởng các Ban, Ngành, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố và các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./đ

**Nơi nhận:**

- Như Điều 3;
- Chính phủ;
- Bộ Nội vụ;
- Cục kiểm tra văn bản QPPL - Bộ Tư pháp;
- TT. Tỉnh ủy, TT. HĐND tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh
- Các Ban Đảng thuộc Tỉnh ủy;
- Ủy ban MTTQVN tỉnh và các Đoàn thể tỉnh;
- Văn phòng Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Văn phòng HĐND tỉnh;
- Chánh VP, các Phó CVP/UBND tỉnh;
- Công Thông tin điện tử tỉnh;
- Lưu: VT, NC (BTh, 70b).

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
CHỦ TỊCH**



**Nguyễn Văn Quang**

## **QUY CHẾ**

**Đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ hàng năm đối với  
các Sở, Ban, Ngành và Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố**  
*(Ban hành kèm theo Quyết định số 13/2017/QĐ-UBND  
ngày 10/5/2017 của UBND tỉnh Hòa Bình)*

### **Chương I NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG**

#### **Điều 1. Phạm vi, đối tượng điều chỉnh**

Quy chế này quy định tiêu chí, trình tự đánh giá, xếp loại mức độ hoàn thành nhiệm vụ hàng năm đối với các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, Ban Quản lý các Khu công nghiệp (sau đây gọi chung là các Sở, Ban, Ngành), Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố.

#### **Điều 2. Mục đích đánh giá**

1. Thông qua đánh giá, giúp các Sở, Ban, Ngành, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố phát huy những mặt ưu điểm, tích cực, khắc phục những mặt còn hạn chế, yếu kém; nâng cao tinh thần trách nhiệm của người đứng đầu cơ quan, đơn vị và cán bộ, công chức, viên chức trong việc thực hiện chức năng, nhiệm vụ được giao.

2. Nâng cao chất lượng, hiệu quả của việc thực hiện chế độ tự chủ, tự chịu trách nhiệm về sử dụng biên chế và kinh phí quản lý hành chính đối với các cơ quan nhà nước theo quy định tại Nghị định 130/2005/NĐ-CP ngày 17/10/2005; Nghị định 117/2013/NĐ-CP ngày 07/10/2013 của Chính phủ.

3. Kết quả xếp loại mức độ hoàn thành nhiệm vụ của các Sở, Ban, Ngành, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố là căn cứ để bình xét thi đua, khen thưởng trong các Cùm, Khối thi đua và đánh giá, phân loại mức độ hoàn thành nhiệm vụ hàng năm đối với người đứng đầu từng cơ quan, đơn vị.

#### **Điều 3. Nguyên tắc đánh giá**

1. Việc chấm điểm, đánh giá, xếp loại mức độ hoàn thành nhiệm vụ hàng năm đối với các Sở, Ban, Ngành, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố bảo đảm khách quan, dân chủ, công bằng và công khai.

2. Các cơ quan, đơn vị khi tiến hành tự chấm điểm, đánh giá, xếp loại theo các nội dung của Quy chế này phải tự giác, trung thực, có trách nhiệm cung cấp thông tin và giải trình đầy đủ những nội dung mà Tổ công tác giúp việc Hội đồng đánh giá của tỉnh yêu cầu. Không công nhận kết quả tự chấm điểm thiếu trung thực hoặc không có tài liệu, hồ sơ chứng minh kết quả đạt được.

3. Kết quả xếp loại mức độ hoàn thành nhiệm vụ hàng năm đối với các Sở, Ban, ngành, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố được thông báo công khai bằng văn bản tới các cơ quan, đơn vị trong tỉnh.

## Chương II

# TIÊU CHÍ, CÁCH CHẤM ĐIỂM, ĐÁNH GIÁ VÀ XẾP LOẠI MỨC ĐỘ HOÀN THÀNH NHIỆM VỤ

### Điều 4. Tiêu chí đánh giá

#### 1. Nhiệm vụ trọng tâm

Đánh giá kết quả thực hiện 02 nhiệm vụ trọng tâm hàng năm do các Sở, Ban, Ngành, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố đăng ký và được Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt. Mỗi nhiệm vụ trọng tâm phải có ít nhất 03 chỉ tiêu hoặc nội dung công việc trở lên.

##### 1.1. Nhiệm vụ trọng tâm của các Sở, Ban, Ngành

Là những nhiệm vụ và giải pháp có tính quan trọng, đột phá nhất trong năm, nhằm giúp Ủy ban nhân dân tỉnh nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước, phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

##### 1.2. Nhiệm vụ trọng tâm của Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố

a) Nhiệm vụ thứ nhất: Hoàn thành các chỉ tiêu kinh tế - xã hội, dự toán thu ngân sách được giao hàng năm theo Quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh và Nghị quyết của Hội đồng nhân dân huyện, thành phố.

b) Nhiệm vụ thứ hai: Là những nhiệm vụ, giải pháp có tính quan trọng, đột phá nhất trong năm, nhằm nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước, phát triển kinh tế - xã hội.

##### 1.3. Đăng ký nhiệm vụ trọng tâm

- Căn cứ Nghị quyết Đại hội Đảng bộ của tỉnh, các Chương trình, Quy hoạch, Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, các văn bản chỉ đạo của tỉnh, ngành dọc cấp trên và tình hình thực tiễn của ngành, địa phương. Các cơ quan, đơn vị hợp thống nhất trong tập thể cấp uỷ, lãnh đạo để xây dựng 02 nhiệm vụ trọng tâm theo quy định tại điểm 1.1 và điểm 1.2, khoản 1, điều này, gửi Sở Nội vụ thẩm định, tổng hợp trước ngày 30 tháng 01 hàng năm trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, phê duyệt (riêng các Sở, Ban, ngành, phải báo cáo xin ý kiến Chủ tịch, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh theo dõi, chỉ đạo Sở, Ngành mình trước khi gửi Sở Nội vụ tổng hợp).

- Không đăng ký những nội dung công việc mang tính hoạt động chuyên môn, nghiệp vụ thường xuyên trong nội bộ cơ quan, đơn vị hoặc trong thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước của ngành, địa phương.

#### 2. Nhiệm vụ chung

Đánh giá kết quả thực hiện các nhiệm vụ chung sau đây:

##### 2.1. Nhiệm vụ chung của các Sở, Ban, Ngành

a) Chất lượng văn bản tham mưu, đề xuất với cấp trên.

Các văn bản tham mưu, đề xuất với Tỉnh uỷ, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh trong lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành thực hiện các lĩnh vực công tác thuộc chức năng, nhiệm vụ được giao đảm bảo đúng quy định, có tính khả thi.

b) Kết quả thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước.

Chỉ đạo, điều hành thực hiện kịp thời, có hiệu quả nhiệm vụ quản lý nhà nước của ngành, lĩnh vực được giao; thực hiện tốt quy chế phối hợp, chế độ thông tin, báo cáo; không né tránh, đùn đẩy trách nhiệm; không bị Tỉnh ủy, Ủy ban nhân dân tỉnh phê bình bằng văn bản.

c) Thực hiện các quy định của Đảng, Nhà nước về xây dựng cơ quan, đơn vị.

Tập thể lãnh đạo, cơ quan đoàn kết, dân chủ; giữ gìn kỷ luật, kỷ cương hành chính. Ban hành và thực hiện có hiệu quả các Chương trình, Kế hoạch thực hiện nhiệm vụ, thực hành tiết kiệm, chống lãng phí, phòng chống tham nhũng. Thực hiện đúng các quy định về công tác cán bộ thuộc quyền quản lý; cán bộ, công chức của cơ quan, đơn vị không vi phạm các quy định của đảng, nhà nước, giữ gìn đoàn kết nội bộ, không bị cơ quan có thẩm quyền phê bình, nhắc nhở bằng văn bản hoặc Quyết định kỷ luật.

d) Thực hiện các quy định về thanh tra, tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo.

Tổ chức tiếp công dân đúng quy định; giải quyết hoặc tham mưu cấp có thẩm quyền giải quyết dứt điểm các đơn, thư khiếu nại, tố cáo và thực hiện các kết luận, quyết định về giải quyết khiếu nại, tố cáo đã có hiệu lực pháp luật; chấp hành đầy đủ các quyết định, kết luận thanh tra, kiểm tra, kiểm toán của cơ quan có thẩm quyền.

e) Kết quả cải cách hành chính của cơ quan, đơn vị.

Đẩy mạnh cải cách hành chính, phấn đấu nâng cao chỉ số cải cách hành chính trên các lĩnh vực, tiêu chí, tiêu chí thành phần được quy định trong Bộ chỉ số cải cách hành chính của tỉnh.

## 2.2. Nhiệm vụ chung của Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố

a) Kết quả chỉ đạo, điều hành thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước trên địa bàn.

Chấp hành nghiêm chỉnh, kịp thời và sáng tạo trong tổ chức thực hiện nhiệm vụ được giao; thực hiện tốt quy chế phối hợp; không né tránh, đùn đẩy trách nhiệm; không bị Tỉnh ủy, Ủy ban nhân dân tỉnh phê bình bằng văn bản. Thường xuyên kiểm tra, xử lý nghiêm và dứt điểm đối với các cơ sở gây ô nhiễm môi trường, mất vệ sinh an toàn thực phẩm; kịp thời xử lý, khoanh vùng điểm dịch bệnh không để lây lan.

b) Thực hiện các quy định của đảng, nhà nước về xây dựng cơ quan, đơn vị: Quy định tại tiết c, điểm 2.1, khoản 2, điều này.

c) Thực hiện các quy định về tiếp dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo.

Tổ chức tiếp công dân đúng quy định; giải quyết hoặc tham mưu cấp có thẩm quyền giải quyết dứt điểm các đơn, thư khiếu nại, tố cáo và thực hiện các kết luận, quyết định về giải quyết khiếu nại, tố cáo đã có hiệu lực pháp luật; không để tình trạng đơn thư kéo dài, vượt cấp, khiếu kiện đông người. Chấp hành đầy đủ các quyết định, kết luận thanh tra, kiểm tra, kiểm toán của cơ quan có thẩm quyền.

d) Kết quả cải cách hành chính của đơn vị: Quy định tại tiết e, điểm 2.1, khoản 2, điều này.

#### **Điều 5. Cách chấm điểm**

1. Đối với các nhiệm vụ trọng tâm quy định tại khoản 1, Điều 4 của Quy chế này:

- Một nhiệm vụ trọng tâm của Sở, Ban, Ngành nếu hoàn thành tính 200 điểm. Ở cấp huyện, nhiệm vụ thứ nhất nếu hoàn thành tính 300 điểm; nhiệm vụ thứ hai nếu hoàn thành tính 200 điểm.

- Điểm của một tiêu chí, nội dung công việc bằng điểm của một nhiệm vụ trọng tâm chia tổng các chỉ tiêu, nội dung công việc.

2. Đối với nhiệm vụ chung quy định tại khoản 2, Điều 4 của Quy chế này:

- Các nhiệm vụ quy định tại tiết a, b, c, d điểm 2.1 và tiết a, b, c, điểm 2.2, khoản 2, điều 4 của Quy chế này: Mỗi nhiệm vụ hoàn thành đạt 100 điểm;

- Các nhiệm vụ quy định tại tiết e điểm 2.1 và tiết d, điểm 2.2, khoản 2, điều 4 của Quy chế này: Tối đa 200 điểm.

3. Cách tính điểm cộng và điểm trừ theo phụ lục kèm theo Quy chế này.

#### **Điều 6. Quy trình, thời gian đánh giá**

1. Các Sở, Ban, Ngành, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố tiến hành họp và tự đánh giá, chấm điểm, xếp loại mức độ hoàn thành nhiệm vụ theo các tiêu chí quy định tại Điều 4 của Quy chế này trước ngày 10 tháng 12 hàng năm, sau đó gửi Hồ sơ đến Sở Nội vụ để thẩm định, tổng hợp.

2. Tổ công tác giúp việc Hội đồng đánh giá kiểm tra, rà soát kết quả thẩm định, tổng hợp, báo cáo Hội đồng đánh giá.

3. Hội đồng đánh giá họp, xem xét, cho ý kiến và Quyết định xếp loại mức độ hoàn thành nhiệm vụ.

4. Thời gian họp Hội đồng đánh giá: Trước ngày 05 tháng 01 của năm kế tiếp năm đánh giá.

#### **Điều 7. Hồ sơ tự đánh giá**

1. Báo cáo diễn giải kết quả tự đánh giá, chấm điểm, xếp loại mức độ hoàn thành nhiệm vụ của cơ quan, đơn vị (nêu rõ lý do hoàn thành hoặc chưa hoàn thành từng nhiệm vụ).

2. Biên bản họp tự chấm điểm của cơ quan, đơn vị.

3. Tài liệu chứng minh kết quả tự đánh giá, chấm điểm, xếp loại.

#### **Điều 8. Xếp loại mức độ hoàn thành nhiệm vụ**

- Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ, tổng số điểm từ 950 điểm trở lên;

- Hoàn thành tốt nhiệm vụ, tổng số điểm từ 850 điểm đến dưới 950 điểm;

- Hoàn thành nhiệm vụ, tổng số điểm từ 750 điểm đến dưới 850 điểm;

- Không hoàn thành nhiệm vụ, tổng số điểm dưới 750 điểm;

- Kết quả xếp loại mức độ hoàn thành nhiệm vụ được sắp xếp theo thứ tự từ cao, đến thấp và chia làm 02 Khối: Khối Sở, Ban, Ngành và Khối Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố;

- Trường hợp các cơ quan có số điểm bằng nhau, cơ quan nào có số điểm của nhiệm vụ chung cao hơn thì cơ quan đó được sắp xếp thứ tự cao hơn; nếu số điểm của nhiệm vụ chung cũng bằng nhau thì Hội đồng đánh giá tiến hành bỏ phiếu kín để sắp xếp theo thứ tự từ cao đến thấp; nếu kết quả kiểm phiếu vẫn bằng nhau thì việc sắp xếp thứ tự do Chủ tịch Hội đồng quyết định.

### **Điều 9. Thành lập Hội đồng đánh giá**

Hội đồng đánh giá do Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Quyết định thành lập, thành phần gồm có:

1. Chủ tịch Hội đồng: Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh.
2. Phó Chủ tịch Hội đồng: Các Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh.
3. Thư ký Hội đồng: Phó Giám đốc Sở Nội vụ.
4. Các Ủy viên Hội đồng:

Giám đốc Sở: Nội vụ, Kế hoạch và Đầu tư, Tư pháp, Tài chính; Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Chánh Thanh tra tỉnh.

5. Mời Trưởng Ban Tổ chức Tỉnh ủy, Chủ tịch Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh, Chủ tịch Liên đoàn Lao động tỉnh tham gia Hội đồng.

Nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng đánh giá do Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Quyết định.

### **Điều 10. Thành lập Tổ công tác giúp việc Hội đồng đánh giá**

Tổ Công tác giúp việc Hội đồng đánh giá (gọi tắt là Tổ công tác) do Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Quyết định thành lập, thành phần gồm có:

1. Tổ trưởng: Phó Giám đốc Sở Nội vụ.
2. Các Ủy viên: Lãnh đạo và Trưởng phòng có liên quan của các Sở, Ngành: Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tư pháp, Sở Tài chính, Thanh tra tỉnh.

3. Thư ký: Trưởng phòng của Sở Nội vụ.

Nhiệm vụ, quyền hạn của Tổ công tác do Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Quyết định.

## **Chương III TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

**Điều 11. Trách nhiệm của các Sở, Ban, Ngành, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố và các cơ quan, đơn vị có liên quan**

1. Căn cứ các quy định của Quy chế này và tình hình thực tế của ngành, địa phương, các Sở, Ban, Ngành, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố xây dựng, ban hành Quy chế, tổ chức đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ hàng

năm đối với các phòng chuyên môn, đơn vị trực thuộc, các xã, phường, thị trấn thuộc phạm vi quản lý và gửi kết quả đánh giá về Sở Nội vụ để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh.

2. Các Sở: Nội vụ, Kế hoạch và Đầu tư, Tư pháp, Tài chính, Y tế, Tài nguyên và Môi trường, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Thanh tra tỉnh và các cơ quan khác có liên quan chịu trách nhiệm tổng hợp, cung cấp các thông tin có liên quan gửi về Tổ công tác trước ngày 25 tháng 12 hàng năm để làm căn cứ thẩm định hồ sơ tự đánh giá của các cơ quan, đơn vị.

### **Điều 12. Trách nhiệm của Sở Nội vụ**

1. Là cơ quan thường trực, chịu trách nhiệm hướng dẫn, kiểm tra, đôn đốc việc triển khai thực hiện Quy chế này.

2. Thẩm định hồ sơ đăng ký nhiệm vụ trọng tâm hàng năm của các Sở, Ban, Ngành, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố và tổng hợp, báo cáo Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt.

3. Hướng dẫn các Cụm, Khối thi đua xây dựng Quy chế hoạt động đảm bảo phù hợp với các quy định của Quy chế này, nhằm đảm bảo tính thống nhất, khách quan, công bằng trong việc bình xét thi đua, khen thưởng hàng năm.

4. Theo dõi, tổng hợp ý kiến phản ánh, kiến nghị, đề xuất của các Sở, Ban, Ngành, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố trong quá trình tổ chức thực hiện Quy chế này; kịp thời tham mưu, trình Ủy ban nhân dân tỉnh sửa đổi, bổ sung./

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
CHỦ TỊCH**



**Nguyễn Văn Quang**



## PHỤ LỤC

Cách tính điểm các tiêu chí đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ hàng năm đối với Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố

Nhiệm vụ	Điểm hoàn thành	Tiêu chí, căn cứ tính điểm	Điểm cộng	Điểm trừ
I. Nhiệm vụ trọng tâm (gồm 02 nhiệm vụ, nhiệm vụ thứ nhất hoàn thành tính 300 điểm; nhiệm vụ thứ hai hoàn thành tính 200 điểm)	500	1. Những chỉ tiêu định lượng		
		- Hoàn thành vượt kế hoạch	02 điểm/01% vượt kế hoạch (không quá điểm hoàn thành của 01 chỉ tiêu)	
		- Hoàn thành từ 98% đến dưới 100% kế hoạch		10% số điểm
		- Hoàn thành từ 95% đến dưới 98% kế hoạch		20% số điểm
		- Hoàn thành từ 70% đến dưới 95% kế hoạch		40% số điểm
		- Hoàn thành từ 50% đến dưới 70% kế hoạch		80% số điểm
		- Hoàn thành dưới 50% kế hoạch		Không chấm điểm
		2. Những chỉ tiêu định tính		
		- Hoàn thành trước thời hạn	5 điểm	
		- Hoàn thành trong năm nhưng không đúng thời hạn		50% số điểm
		- Không hoàn thành trong năm		Không chấm điểm

II. Nhiệm vụ chung	500			
<p>1. Kết quả chỉ đạo, điều hành thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước trên địa bàn. Chấp hành nghiêm chỉnh, kịp thời và sáng tạo trong tổ chức thực hiện nhiệm vụ được giao; thực hiện tốt quy chế phối hợp; không né tránh, đùn đẩy trách nhiệm; không bị Tỉnh ủy, Ủy ban nhân dân tỉnh phê bình bằng văn bản. Thường xuyên kiểm tra, xử lý nghiêm và dứt điểm đối với các cơ sở gây ô nhiễm môi trường, mất vệ sinh an toàn thực phẩm; kịp thời xử lý, khoanh vùng điểm dịch bệnh không để lây lan.</p>	100	Kết quả giải quyết các công việc được giao (ngoài 02 nhiệm vụ trọng tâm đã được phê duyệt) không đảm bảo về chất lượng và thời gian.		30 điểm/01 việc
		Không chủ động giải quyết dứt điểm hoặc đề xuất cấp có thẩm quyền giải quyết dứt điểm các vụ việc trên địa bàn, để xảy ra hậu quả từ nghiêm trọng đến rất nghiêm trọng, gây dư luận xấu, bức xúc trong xã hội		Từ 20 đến 50 điểm/01 vụ việc (do Hội đồng đánh giá quyết định)
		Từ chối phối hợp hoặc không có ý kiến phúc đáp các cơ quan, đơn vị có đề nghị phối hợp đúng với các quy định của pháp luật.		20 điểm/01 lần
		Chấp hành chế độ thông tin báo cáo với Ủy ban nhân dân tỉnh không đúng quy định		10 điểm./01 lần
		Tỉnh ủy, Ủy ban nhân dân tỉnh phê bình bằng văn bản		15 điểm/01 lần
		Ban hành văn bản trái quy định, bị đình chỉ, bãi bỏ bằng quyết định của cấp có thẩm quyền		30 điểm/01 văn bản
		Chưa ban hành hoặc ban hành nhưng không thực hiện quy chế đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ đối với các phòng chuyên môn, đơn vị trực thuộc		20 điểm
		Không kiểm tra, xử lý nghiêm và dứt điểm đối với các cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ gây ô nhiễm môi trường, mất vệ sinh an toàn thực phẩm		30 điểm/01 vụ việc
		Không kiểm soát, xử lý, khoanh vùng để dịch bệnh bùng phát, lây lan trên địa bàn		20 điểm/01 vụ việc

<p>2. Thực hiện các quy định của đảng, nhà nước về xây dựng cơ quan, đơn vị. Tập thể lãnh đạo, cơ quan đoàn kết, dân chủ; giữ gìn kỷ luật, kỷ cương hành chính. Ban hành và thực hiện có hiệu quả các Chương trình, Kế hoạch đề chỉ đạo, điều hành thực hiện nhiệm vụ; thực hành tiết kiệm, chống lãng phí; phòng chống tham nhũng. Thực hiện đúng các quy định về công tác cán bộ thuộc quyền quản lý; cán bộ, công chức của cơ quan, đơn vị không vi phạm các quy định của đảng, nhà nước, giữ gìn đoàn kết nội bộ, không bị cơ quan có thẩm quyền phê bình, nhắc nhở bằng văn bản hoặc Quyết định kỷ luật.</p>	100	Chưa ban hành đầy đủ Chương trình, kế hoạch công tác năm, Quy chế làm việc; Chương trình, Kế hoạch phòng chống tham nhũng; thực hành tiết kiệm, chống lãng phí	20 điểm/01 văn bản
		Tập thể lãnh đạo mất đoàn kết, không thực hiện Quy chế dân chủ	Không chấm điểm cả nhiệm vụ này
		Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND cấp huyện có hành vi vi phạm các quy định của đảng, nhà nước, chưa đến mức xử lý kỷ luật, nhưng bị cơ quan có thẩm quyền yêu cầu kiểm điểm, làm rõ trách nhiệm.	15 điểm/01 trường hợp
		Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND cấp huyện bị kỷ luật ở mức khiển trách.	20 điểm/01 trường hợp
		Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND cấp huyện bị kỷ luật ở mức cảnh cáo.	30 điểm/01 trường hợp
		Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND cấp huyện bị kỷ luật ở mức cách chức, bãi nhiệm.	40 điểm/01 trường hợp
		Có công chức thuộc quyền quản lý và cấp trưởng, cấp phó đơn vị trực thuộc bị xử lý kỷ luật	20 điểm/01 trường hợp
		Không thực hiện đúng quy định về công tác quản lý, quy hoạch, đào tạo bồi dưỡng, đề bạt, bổ nhiệm các chức danh Trưởng phòng, Phó Trưởng phòng và tương đương thuộc thẩm quyền quản lý	30 điểm
<p>3. Thực hiện các quy định về tiếp dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo. Tổ chức tiếp công dân đúng quy định; giải quyết hoặc tham mưu cấp có thẩm quyền giải quyết dứt điểm các đơn, thư khiếu nại, tố cáo và thực hiện các kết luận, quyết định về giải quyết khiếu nại, tố cáo đã có hiệu lực pháp luật; không để tình trạng đơn thư kéo dài, vượt cấp, khiếu kiện đông người. Chấp hành đầy đủ các quyết định, kết luận thanh tra, kiểm tra, kiểm toán của cơ quan có thẩm quyền.</p>	100	Không tổ chức tiếp dân theo đúng quy định	30 điểm
		Không giải quyết kịp thời, dứt điểm, đúng pháp luật theo thẩm quyền hoặc kiến nghị cơ quan có thẩm quyền giải quyết đối với đơn thư khiếu nại, tố cáo	30 điểm
		Có đơn thư kéo dài, vượt cấp, gây bức xúc cho tổ chức và công dân hoặc để xảy ra khiếu kiện đông người	30 điểm/vụ việc
		Có đơn thư khiếu nại, tố cáo (trừ đơn, thư nặc danh) được cấp có thẩm quyền giải quyết mà kết quả giải quyết đúng như nội dung đơn thư phản ánh	30 điểm/01 đơn thư
		Không chấp hành hoặc chấp hành không đầy đủ các quyết định và kết luận thanh tra, kiểm tra, kiểm toán của cơ quan có thẩm quyền.	30 điểm

4. Kết quả cải cách hành chính của đơn vị. Đẩy mạnh cải cách hành chính, phấn đấu nâng cao chỉ số cải cách hành chính trên các lĩnh vực, tiêu chí, tiêu chí thành phần được quy định trong Bộ chỉ số cải cách hành chính của tỉnh.	200	Căn cứ kết quả xác định chỉ số CCHC hàng năm để tính điểm hệ số 2 cho nhiệm vụ này (Ví dụ: Chỉ số CCHC năm 2015 của huyện A là 88%, thì điểm của nhiệm vụ này là 176 điểm)		
		Điểm số trong Chỉ số cải cách hành chính thấp hơn năm trước năm đánh giá		02 điểm/01%
5. Các tiêu chí tính điểm cộng		Có thành tích xuất sắc, nổi bật trong chỉ đạo, điều hành phát triển kinh tế - xã hội của địa phương; tích cực, chủ động giải quyết hoặc đề xuất cấp có thẩm quyền giải quyết, hoàn thành tốt các công việc trọng điểm, có vai trò quan trọng đối với sự phát triển kinh tế - xã hội của địa phương, của tỉnh, được UBND tỉnh ghi nhận.	Từ 10 đến 40 điểm/01 nhiệm vụ (do Hội đồng đánh giá quyết định)	
		Có sáng kiến hoặc đề tài, dự án KHCN được Hội đồng sáng kiến cấp tỉnh hoặc Hội đồng khoa học cấp tỉnh trở lên công nhận (chỉ thưởng điểm đối với đơn vị được giao chủ trì thực hiện sáng kiến đề tài, dự án).	10 điểm/01 sáng kiến, đề tài, dự án	
		Tập thể cơ quan, đơn vị có mô hình tiên tiến được UBND tỉnh công nhận để nhân rộng	20 điểm/01 điển hình	
		Điểm số trong Chỉ số cải cách hành chính cao hơn năm trước năm đánh giá	02 điểm/01%	

*Lưu ý: Những nhiệm vụ chưa hoàn thành do nguyên nhân khách quan thì trừ 50% số điểm trừ của nhiệm vụ đó (Ví dụ: Có 01 việc giải quyết chậm so với thời hạn Ủy ban nhân dân tỉnh giao do nguyên nhân chủ quan thì trừ 30 điểm, nhưng do nguyên nhân khách quan thì trừ 15 điểm)*

## PHỤ LỤC

Cách tính điểm các tiêu chí đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ hàng năm đối với các Sở, Ban, ngành

Nhiệm vụ	Điểm hoàn thành	Tiêu chí, căn cứ tính điểm	Điểm cộng	Điểm trừ
I. Nhiệm vụ trọng tâm (gồm 02 nhiệm vụ, mỗi nhiệm vụ hoàn thành tính 200 điểm)	400	1. Những chỉ tiêu định lượng		
		- Hoàn thành vượt kế hoạch	02 điểm/01% vượt kế hoạch (không quá 10 điểm/01 chỉ tiêu)	
		- Hoàn thành từ 98% đến dưới 100% kế hoạch		10% số điểm
		- Hoàn thành từ 95% đến dưới 98% kế hoạch		20% số điểm
		- Hoàn thành từ 70% đến dưới 95% kế hoạch		40% số điểm
		- Hoàn thành từ 50% đến dưới 70% kế hoạch		80% số điểm
		- Hoàn thành dưới 50% kế hoạch		Không chấm điểm
		2. Những chỉ tiêu định tính		
		- Hoàn thành trước thời hạn	5 điểm	
		- Hoàn thành trong năm nhưng không đúng thời hạn		50% số điểm
- Không hoàn thành trong năm		Không chấm điểm		
II. Nhiệm vụ chung	600			
1. Chất lượng văn bản tham mưu, đề xuất với cấp trên. Các văn bản tham mưu, đề xuất với Tỉnh ủy, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh trong lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành thực hiện các lĩnh vực công tác thuộc chức năng, nhiệm vụ được giao đảm bảo đúng quy định, có tính khả thi.	100	Tham mưu ban hành văn bản trái quy định phải bãi bỏ.		Không chấm điểm cả nhiệm vụ này
		Văn bản tham mưu trình cấp có thẩm quyền ban hành nhưng không đảm bảo quy trình hoặc thiếu tính khả thi.		20 điểm/01 văn bản (nếu lỗi do cơ quan thẩm định hoặc tổng hợp, trình phê duyệt thì trừ điểm của cơ quan đó)

<p><b>2. Kết quả thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước.</b>          Chỉ đạo, điều hành thực hiện kịp thời, có hiệu quả nhiệm vụ quản lý nhà nước của ngành, lĩnh vực được giao; thực hiện tốt quy chế phối hợp, chế độ thông tin, báo cáo; không né tránh, đùn đẩy trách nhiệm; không bị Tinh ủy, Ủy ban nhân dân tỉnh phê bình bằng văn bản.</p>	100	Kết quả giải quyết các công việc được giao (ngoài 02 nhiệm vụ trọng tâm đã được phê duyệt) không đảm bảo về chất lượng và thời gian.	30 điểm/01 việc
		Chưa thực hiện tốt chức năng quản lý nhà nước, không chủ động tham mưu, đề xuất những giải pháp nhằm nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý đối với ngành, lĩnh vực được giao	Từ 10 đến 30 điểm (do Hội đồng đánh giá quyết định)
		Không chủ động giải quyết dứt điểm hoặc tham mưu giải quyết dứt điểm các vụ việc thuộc phạm vi quản lý nhà nước của ngành, lĩnh vực được giao, để xảy ra hậu quả từ nghiêm trọng đến rất nghiêm trọng, gây dư luận xấu, bức xúc trong xã hội	Từ 20 đến 50 điểm/01 vụ việc (do Hội đồng đánh giá quyết định)
		Từ chối phối hợp hoặc không có ý kiến phúc đáp các cơ quan, đơn vị có đề nghị phối hợp đúng với các quy định của pháp luật.	20 điểm/01 lần
		Chấp hành chế độ thông tin báo cáo với Ủy ban nhân dân tỉnh không đúng quy định	10 điểm/01 lần
		Tinh ủy, Ủy ban nhân dân tỉnh phê bình bằng văn bản	15 điểm/01 lần
		Ban hành văn bản trái quy định, bị đình chỉ, bãi bỏ bằng quyết định của cấp có thẩm quyền	30 điểm/01 văn bản
		Chưa ban hành hoặc ban hành nhưng không thực hiện quy chế đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ đối với các phòng chuyên môn, đơn vị trực thuộc	20 điểm

<p>3. Thực hiện các quy định của đảng, nhà nước về xây dựng cơ quan, đơn vị. Tập thể lãnh đạo, cơ quan đoàn kết, dân chủ; giữ gìn kỷ luật, kỷ cương hành chính. Ban hành và thực hiện có hiệu quả các Chương trình, Kế hoạch đề chỉ đạo, điều hành thực hiện nhiệm vụ; thực hành tiết kiệm, chống lãng phí, phòng chống tham nhũng. Thực hiện đúng các quy định về công tác cán bộ thuộc quyền quản lý; cán bộ, công chức của cơ quan, đơn vị không vi phạm các quy định của đảng, nhà nước, giữ gìn đoàn kết nội bộ, không bị cơ quan có thẩm quyền phê bình, nhắc nhở bằng văn bản hoặc Quyết định kỷ luật.</p>	100	<p>Chưa ban hành đầy đủ Chương trình, kế hoạch công tác năm, Quy chế làm việc, Quy chế dân chủ, Quy chế chi tiêu nội bộ và quản lý tài sản công; Chương trình, Kế hoạch phòng chống tham nhũng; thực hành tiết kiệm, chống lãng phí</p>	20 điểm/01 văn bản
		<p>Tập thể lãnh đạo mất đoàn kết, không thực hiện Quy chế dân chủ</p>	Không chấm điểm cả nhiệm vụ này
		<p>Giám đốc, Phó Giám đốc Sở và tương đương có hành vi vi phạm các quy định của đảng, nhà nước, chưa đến mức xử lý kỷ luật, nhưng bị cơ quan có thẩm quyền yêu cầu kiểm điểm, làm rõ trách nhiệm.</p>	15 điểm/01 trường hợp
		<p>Giám đốc, Phó Giám đốc Sở và tương đương bị kỷ luật ở mức khiển trách</p>	20 điểm/01 trường hợp
		<p>Giám đốc, Phó Giám đốc Sở và tương đương bị kỷ luật ở mức cảnh cáo</p>	25 điểm/01 trường hợp
		<p>Giám đốc, Phó Giám đốc Sở và tương đương bị kỷ luật ở mức hạn bậc lương</p>	30 điểm/01 trường hợp
		<p>Giám đốc, Phó Giám đốc Sở và tương đương bị kỷ luật ở mức giáng chức</p>	35 điểm/01 trường hợp
		<p>Giám đốc, Phó Giám đốc Sở và tương đương bị kỷ luật ở mức cách chức</p>	40 điểm/01 trường hợp
		<p>Giám đốc, Phó Giám đốc Sở và tương đương bị kỷ luật ở mức buộc thôi việc</p>	50 điểm/01 trường hợp
		<p>Có công chức thuộc quyền quản lý và cấp trưởng, cấp phó đơn vị trực thuộc bị kỷ luật</p>	20 điểm/01 trường hợp
<p>Không thực hiện đúng quy định về công tác quản lý, quy hoạch, đào tạo bồi dưỡng, đề bạt, bổ nhiệm các chức danh Trưởng phòng, Phó Trưởng phòng và tương đương thuộc thẩm quyền quản lý</p>	30 điểm		

4. Thực hiện các quy định về tiếp dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo. Tổ chức tiếp công dân đúng quy định; giải quyết hoặc tham mưu cấp có thẩm quyền giải quyết dứt điểm các đơn, thư khiếu nại, tố cáo và thực hiện các kết luận, quyết định về giải quyết khiếu nại, tố cáo đã có hiệu lực pháp luật; chấp hành đầy đủ các quyết định, kết luận thanh tra, kiểm tra, kiểm toán của cơ quan có thẩm quyền.	100	Không tổ chức tiếp dân theo đúng quy định		30 điểm
		Không giải quyết kịp thời, dứt điểm, đúng pháp luật theo thẩm quyền hoặc kiến nghị cơ quan có thẩm quyền giải quyết đối với đơn thư khiếu nại, tố cáo		30 điểm
		Có đơn thư khiếu nại, tố cáo (trừ đơn, thư nặc danh) được cấp có thẩm quyền giải quyết mà kết quả giải quyết đúng như nội dung đơn thư phản ánh		30 điểm/01 đơn thư
		Không chấp hành hoặc chấp hành không đầy đủ các quyết định và kết luận thanh tra, kiểm tra, kiểm toán của cơ quan có thẩm quyền.		30 điểm
5. Kết quả cải cách hành chính của cơ quan, đơn vị. Đẩy mạnh cải cách hành chính, phấn đấu nâng cao chỉ số cải cách hành chính trên các lĩnh vực, tiêu chí, tiêu chí thành phần được quy định trong Bộ chỉ số cải cách hành chính của tỉnh.	200	Căn cứ kết quả xác định chỉ số CCHC hàng năm để tính điểm hệ số 2 cho nhiệm vụ này (Ví dụ: Chỉ số CCHC năm 2015 của Sở A là 85%, thì điểm của nhiệm vụ này là 170 điểm)		
		Điểm số trong Chỉ số cải cách hành chính thấp hơn năm trước năm đánh giá		02 điểm/01%
6. Các tiêu chí tính điểm cộng		Có thành tích xuất sắc, nổi bật trong thực hiện chức năng, nhiệm vụ được giao; giải quyết hoặc tham mưu giải quyết, hoàn thành tốt các công việc trọng điểm, có vai trò quan trọng đối với sự phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh, được UBND tỉnh ghi nhận.	Từ 10 đến 40 điểm/01 nhiệm vụ (do Hội đồng đánh giá quyết định)	
		Có sáng kiến hoặc đề tài, dự án KHCN được Hội đồng sáng kiến cấp tỉnh hoặc Hội đồng khoa học cấp tỉnh trở lên công nhận (chỉ thường điểm đối với cơ quan, đơn vị được giao chủ trì thực hiện sáng kiến đề tài, dự án).	10 điểm/01 sáng kiến, đề tài, dự án	
		Tập thể cơ quan, đơn vị có mô hình tiên tiến được UBND tỉnh công nhận để nhân rộng	20 điểm/01 điển hình	
		Điểm số trong Chỉ số cải cách hành chính cao hơn năm trước năm đánh giá	02 điểm/01%	

*Lưu ý: Những nhiệm vụ chưa hoàn thành do nguyên nhân khách quan thì trừ 50% số điểm trừ của nhiệm vụ đó (Ví dụ: Có 01 việc giải quyết chậm so với thời hạn Ủy ban nhân dân tỉnh giao do nguyên nhân chủ quan thì trừ 30 điểm, nhưng do nguyên nhân khách quan thì trừ 15 điểm)*